

There are no translations available.

Từ năm 1974 đến năm 2005 có sinh viên của Khối đã đoạt được 59 giải quốc tế về Toán học. Đã có biệt có 20 Huy chương Vàng, có 4 học sinh đoạt Huy chương Vàng hai năm liên tiếp là Ngô Bảo Châu, Đào Hồng Long, Ngô Đức Tuấn, Lê Hùng Việt Bắc. Từ năm 1989 đến 2005, học sinh của Khối đã đoạt được 26 giải quốc tế về Tin học. Đã có biệt Nguyễn Ngọc Huy hai năm liên tiếp Huy chương Vàng.

**Thành tích thi**

**Olympic Toán học quốc tế**

Năm

|      |             |                        |                 |
|------|-------------|------------------------|-----------------|
| 1974 | CHLB Đức    | Hoàng Lê Minh          | Huy chương Vàng |
|      |             | Đặng Hoàng Trung       | Huy chương Đồng |
| 1975 | Bulgaria    | Nguyễn Minh Đức        | Huy chương Bạc  |
|      |             | Phan Vũ Diễm Hồng      | Huy chương Đồng |
|      |             | Nguyễn Long            | Huy chương Đồng |
| 1976 | Australia   | Nguyễn Thị Thiệu Hoàng | Huy chương Bạc  |
| 1979 | Anh         | Phạm Ngọc Anh Cường    | Huy chương Bạc  |
| 1982 | Hungaria    | Trần Minh              | Huy chương Bạc  |
|      |             | Nguyễn Hữu Hoàn        | Huy chương Đồng |
| 1984 | Tiệp khách  | Đàm Thanh Sơn          | Huy chương Vàng |
| 1985 | Philan      | Nguyễn Tiến Dũng       | Huy chương Vàng |
| 1986 | Balan       | Phùng Hoàng Hải        | Huy chương Đồng |
|      |             | Nguyễn Tuấn Trung      | Huy chương Đồng |
| 1987 | Cuba        | Đoàn Quốc Chí          | Huy chương Đồng |
|      |             | Nguyễn Hữu Tuấn        | Huy chương Đồng |
| 1988 | Australia   | Ngô Bảo Châu           | Huy chương Vàng |
| 1989 | CHLB Đức    | Ngô Bảo Châu           | Huy chương Vàng |
|      |             | Bùi Hải Hồng           | Huy chương Bạc  |
|      |             | Hà Huy Minh            | Huy chương Đồng |
| 1990 | Trung Quốc  | Phạm Xuân Du           | Huy chương Bạc  |
| 1991 | Thụy Điển   | Hà Huy Tài             | Huy chương Bạc  |
|      |             | Nguyễn Hải Hà          | Huy chương Đồng |
| 1992 | CHLB Nga    | Nguyễn Xuân Đào        | Huy chương Vàng |
|      |             | Nguyễn Quốc Khánh      | Huy chương Bạc  |
|      |             | Nguyễn Thành Công      | Huy chương Đồng |
|      |             | Nguyễn Thu Linh        | Huy chương Đồng |
| 1993 | Thụy Nhĩ Kỳ | Nguyễn Chu Gia Vỹ      | Huy chương Vàng |
| 1994 | Hồng Kông   | Đào Hồng Long          | Huy chương Vàng |
|      |             | Nguyễn Quý Tuấn        | Huy chương Bạc  |
|      |             | Trần Ngọc Nam          | Huy chương Bạc  |
|      |             | Tô Đông Vũ             | Huy chương Bạc  |
|      |             | Nguyễn Chu Gia Vỹ      | Huy chương Bạc  |
| 1995 | Canada      | Ngô Đức Tuấn           | Huy chương Vàng |
|      |             | Đào Hồng Long          | Huy chương Vàng |
|      |             | Nguyễn Thị Trung       | Huy chương Bạc  |
|      |             | Phạm Quang Tuấn        | Huy chương Bạc  |
| 1996 | Việt Nam    | Ngô Đức Tuấn           | Huy chương Vàng |
|      |             | Nguyễn Thái Hà         | Huy chương Vàng |
|      |             | Phạm Lê Hùng           | Huy chương Bạc  |

|      |                       |                    |                 |
|------|-----------------------|--------------------|-----------------|
|      |                       | Đội Quốc Anh       | Huy chương Đồng |
| 1997 | Achentina             | Đội Quốc Anh       | Huy chương Vàng |
|      |                       | Phạm Lê Hùng       | Huy chương Bạc  |
|      |                       | Nguyễn Anh Tú      | Huy chương Bạc  |
| 1998 | Đài loan              | Phạm Huy Tùng      | Huy chương Bạc  |
|      |                       | Đào Thế Thu Hà     | Huy chương Đồng |
| 1999 | Rumani                | Bùi Minh Hùng      | Huy chương Vàng |
|      |                       | Phạm Trần Quân     | Huy chương Bạc  |
|      |                       | Nguyễn Trung Tú    | Huy chương Bạc  |
| 2000 | Hàn Quốc              | Nguyễn Minh Hoài   | Huy chương Vàng |
|      |                       | Bùi Việt Lộc       | Huy chương Vàng |
|      |                       | Đội Đức Nhật Quang | Huy chương Vàng |
|      |                       | Cao Vũ Dân         | Huy chương Bạc  |
| 2001 | Hợp chủng quốc Hoa Kỳ | Lê Anh Vinh        | Huy chương Bạc  |
| 2002 | Anh                   | Phạm Hoàng Việt    | Huy chương Bạc  |
| 2003 | Nhật Bản              | Lê Hùng Việt Báo   | Huy chương Vàng |
| 2004 | Hyllp                 | Lê Hùng Việt Báo   | Huy chương Vàng |
|      |                       | Phạm Kim Hùng      | Huy chương Vàng |
| 2005 | Mêhicô                | Phạm Kim Hùng      | Huy chương Bạc  |
|      |                       | Nguyễn Trọng Th    | Huy chương Đồng |

| Thành tích thi Olympic Tin học quốc tế |                       | Năm             | Nội dung giải thưởng | Chức vụ và tên học sinh | Thành tích |
|----------------------------------------|-----------------------|-----------------|----------------------|-------------------------|------------|
| 1989                                   | Bulgaria              | Nguyễn Anh Linh | Huy chương Đồng      |                         |            |
| 1990                                   | Liên Xô               | Nguyễn Anh Linh | Huy chương Đồng      |                         |            |
|                                        |                       | Trần Hoài Linh  | Huy chương Bạc       |                         |            |
|                                        |                       | Nguyễn Việt Hà  | Huy chương Đồng      |                         |            |
| 1991                                   | Hy Lạp                | Đàm Hiếu Chí    | Huy chương Đồng      |                         |            |
| 1992                                   | CHLB Đức              | Hà Công Thành   | Huy chương Đồng      |                         |            |
|                                        |                       | Lê Văn Trí      | Huy chương Đồng      |                         |            |
| 1993                                   | Argentina             | Phạm Việt Thắng | Huy chương Đồng      |                         |            |
| 1994                                   | Thụy Điển             | Trần Xuân Nam   | Huy chương Bạc       |                         |            |
|                                        |                       | Trần Minh Châu  | Huy chương Bạc       |                         |            |
|                                        |                       | Phạm Báo Sơn    | Huy chương Bạc       |                         |            |
| 1995                                   | Hà Lan                | Phạm Báo Sơn    | Huy chương Bạc       |                         |            |
|                                        |                       | Bùi Thế Duy     | Huy chương Đồng      |                         |            |
| 1996                                   | Hungari               | Bùi Thế Duy     | Huy chương Đồng      |                         |            |
|                                        |                       | Nguyễn Thúc D   | Huy chương Đồng      |                         |            |
| 1997                                   | Nam phi               | Võng Phan Tuấn  | Huy chương Bạc       |                         |            |
| 1998                                   | Bồ đào nha            | Trần Tuấn Anh   | Huy chương Đồng      |                         |            |
| 1999                                   | Thổ Nhĩ Kỳ            | Nguyễn Ngọc Huy | Huy chương Vàng      |                         |            |
| 2000                                   | Bắc Kinh              | Nguyễn Ngọc Huy | Huy chương Vàng      |                         |            |
|                                        |                       | Phạm Kim Cường  | Huy chương Bạc       |                         |            |
| 2002                                   | Hàn Quốc              | Nguyễn Văn Hiếu | Huy chương Bạc       |                         |            |
| 2003                                   | Hợp chủng quốc Hoa Kỳ | Nguyễn Lê Huy   | Huy chương Vàng      |                         |            |
|                                        |                       | Cao Thanh Tùng  | Huy chương Bạc       |                         |            |
|                                        |                       | Phạm Trần Đức   | Huy chương Đồng      |                         |            |
|                                        |                       | Đinh Ngọc Thắng | Huy chương Đồng      |                         |            |

|      |            |            |                 |
|------|------------|------------|-----------------|
| 2004 | Huy chương | Lê Minh Hà | Huy chương đồng |
|------|------------|------------|-----------------|

**THÀNH TÍCH THI OLYMPIC TOÁN KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**

|  |  |  |  | 1996 | Ngô Đức | Tuấn | Huy chương Vàng |
|--|--|--|--|------|---------|------|-----------------|
|--|--|--|--|------|---------|------|-----------------|

|              |       |                 |
|--------------|-------|-----------------|
| Nguyễn Anh   | Tú    | Huy chương Bạc  |
| Nguyễn Bá    | Hùng  | Huy chương đồng |
| Phạm Lê      | Hùng  | Huy chương đồng |
| Mai Phú      | Sơn   | Huy chương đồng |
| Nguyễn Hoàng | Đông  | Huy chương đồng |
| Đình Thành   | Trung | Huy chương đồng |
| Nguyễn Thái  | Hà    | Bằng khen       |
| Nguyễn Quang | Nghĩa | Bằng khen       |

|  |      |        |      |                 |
|--|------|--------|------|-----------------|
|  | 2001 | Lê Anh | Vinh | Huy chương Vàng |
|--|------|--------|------|-----------------|

|           |      |                 |
|-----------|------|-----------------|
| Trần Minh | Quân | Huy chương đồng |
|-----------|------|-----------------|

Năm 1996, học sinh của Khoa đã đạt 9/10 Huy chương của đoàn Việt Nam.